

Số: 84 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Thái Bình Dương

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Thái Bình Dương, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 19/3/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình Dương. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Thái Bình Dương đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Thái Bình Dương cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

- | | |
|--|------|
| + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: | 3,85 |
| + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: | 3,78 |
| + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: | 3,74 |
| + Kết quả hoạt động: | 3,73 |

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình $\leq 2,0$

(chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thái Bình Dương thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

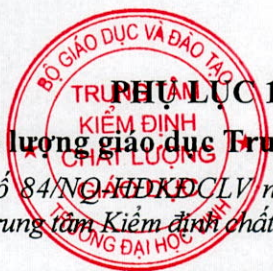
3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Thái Bình Dương theo quy định hiện hành. 

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình Dương

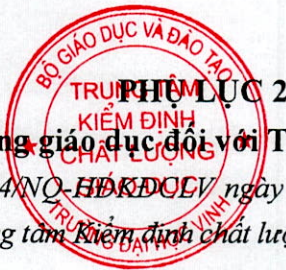
(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐQDCLV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,85
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	3,80
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	3,75
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	4,00
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	3,71
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,80
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,78
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,83
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3,75
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,75
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,80
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,74
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	4,00
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,60
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,60
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,50
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	3,75
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	3,50
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,25
Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3,73
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	3,75
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,67
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	3,50

!

CH
H
K
M
200





PHỤ LỤC 2
Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Thái Bình Dương
(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐĐCV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thái Bình Dương giai đoạn 2016-2021 cho thấy, Nhà trường đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng chiến lược*, Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường được xác định rõ ràng theo với chức năng, nhiệm vụ và Chiến lược phát triển, được rà soát và điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa, vùng đồng bằng duyên hải Nam Trung bộ; Chiến lược phát triển được cụ thể hóa thành các kế hoạch ngắn hạn cho từng lĩnh vực hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cơ cấu tổ chức của Nhà trường tinh gọn, phù hợp với quy định; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định rõ ràng, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; Nhà trường có hệ thống văn bản quản lý và hệ thống xây dựng chính sách, giám sát và cải tiến các hoạt động; chiến lược phát triển nguồn nhân lực với quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cùng với các chế độ chính sách, đánh giá cán bộ rõ ràng; công tác môi trường, y tế học đường, an toàn an ninh trường học được quan tâm; hoạt động đối ngoại của Nhà trường được chú trọng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, Nhà trường có đơn vị chuyên trách về công tác bảo đảm chất lượng, thành lập được Hội đồng và mạng lưới bảo đảm chất lượng bên trong, xây dựng được Kế hoạch chiến lược cùng hệ thống văn bản và các bộ chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả về bảo đảm chất lượng; hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong được lưu trữ, quản lý và truyền tải trên nền tảng công nghệ thông tin, được rà soát, điều chỉnh và cập nhật hằng năm; các chính sách chất lượng được ban hành cụ thể, phù hợp cho từng năm học; các quy định, quy trình, hướng dẫn về việc lựa chọn các tiêu chí/nội dung để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng được xây dựng và bước đầu áp dụng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, Nhà trường đã thực hiện các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học, có chính sách học bổng thu hút người học; việc xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo được thực hiện đúng quy định; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá được chú trọng, có hỗ trợ của công nghệ; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được đầu tư; hệ thống giám sát và hỗ trợ người học được xây dựng và thực thi, người học được tạo môi trường học tập, rèn luyện phù hợp, được hỗ trợ trong học tập, khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm; các hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập và thực hiện.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, các chỉ số về chất lượng người học và cựu *ĐẠI HỌC*

người học được xác lập và giám sát; cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ của Nhà trường được cập nhật hàng năm; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đa dạng, có sự tham gia của các bên liên quan và có đóng góp cho xã hội; các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường được xác lập, triển khai và điều chỉnh hằng năm phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tế của Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các nhóm giải pháp trong các lĩnh vực sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng gắn kết với yêu cầu xây dựng trường đại học số, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế-xã hội tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0; cần xây dựng những giải pháp triển khai đồng bộ, khả thi để truyền tải được yêu cầu của Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi vào trong các hoạt động của Nhà trường; trong quá trình rà soát và điều chỉnh, cần có sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của các bên liên quan;

2. Hệ thống văn bản quản trị cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời, chú ý tính quản trị rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động và phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của Nhà trường; cần đảm bảo các nghị quyết/quyết định/kết luận của hệ thống quản trị được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch hành động cụ thể, có chú ý đến các nguồn lực, điều kiện, thời gian thực hiện và các giải pháp hạn chế rủi ro trong các hoạt động;

3. Cần định kỳ rà soát và điều chỉnh hệ thống văn bản tổ chức, quản lý, điều hành của Nhà trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động; cần xây dựng các mục tiêu chiến lược của Kế hoạch hành động chiến lược bám sát và phù hợp với Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; cần rà soát, đánh giá và điều chỉnh công tác quy hoạch đội ngũ và bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp hơn;

4. Cần có quy định và hướng dẫn cụ thể xây dựng các đơn vị xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động chiến lược với các chỉ số thực hiện chính phù hợp trong từng lĩnh vực hoạt động; cần xác định và lựa chọn các công cụ, biện pháp quản trị phù hợp, khả thi, dễ đo lường, đánh giá; cần định kỳ rà soát kết quả thực hiện, đánh giá tính khả thi và mốc thời gian hoàn thành để điều chỉnh đối với một số chỉ tiêu phân đầu; cần tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan để có căn cứ điều chỉnh Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn tiếp theo;

5. Cần quy trình hóa công tác giám sát việc thực hiện các chính sách của Nhà trường trên các lĩnh vực; cần rà soát tổng thể hệ thống văn bản, các quy định và quy trình giám sát chất lượng trong các lĩnh vực hoạt động của Trường, chú trọng những nội dung cốt lõi trong các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần

định kỳ phân tích kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành để đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách đó đến sự phát triển của Nhà trường, đo lường được lợi ích và sự đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan;

6. Cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với kế hoạch chiến lược tổng thể của đơn vị và kế hoạch phát triển quy mô đào tạo của Trường; cần rà soát hoàn chỉnh tiêu chuẩn và khung năng lực đối với các vị trí việc làm; cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên; cần có giải pháp hữu hiệu để đảm bảo tính ổn định của đội ngũ, xây dựng được các chính sách và giải pháp đột phá, có tính khả thi để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường;

7. Cần sớm có kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động của Nhà trường; cần chú ý thực hiện tốt các quy định về chính sách học bổng và chính sách đầu tư phát triển khoa học công nghệ; cần có kế hoạch xây dựng thư viện điện tử và kết nối với các thư viện khác để nguồn học liệu đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cán bộ, giảng viên và người học; cần đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để lập kế hoạch đầu tư, tăng cường và khai thác cơ sở vật chất hiệu quả hơn;

8. Cần chú trọng hơn nữa việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là hoạt động hợp tác quốc tế; cần hoàn thiện quy trình, quy định và công cụ rà soát, đánh giá các chỉ số trong công tác đối ngoại; cần xác định rõ các tiêu chí lựa chọn đối tác/đối tác chiến lược phù hợp để phát triển; cần định kỳ đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác trong từng lĩnh vực hoạt động; cần ban hành các chính sách thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác, khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong Trường chủ động tham gia;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Cần hoàn thiện các chính sách, quy định, công cụ, hướng dẫn... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; các kế hoạch bảo đảm chất lượng (trung hạn, hằng năm) cần được triển khai đồng bộ, phù hợp và được cụ thể hóa bằng các chỉ số thực hiện trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần thực hiện đa dạng các phương thức phổ biến thông tin bảo đảm chất lượng bên trong; cần nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bảo đảm chất lượng;

10. Cần tiếp tục rà soát các lĩnh vực công tác và xây dựng kế hoạch hành động phù hợp, có ưu tiên cho các hoạt động được (tự) đánh giá ở mức thấp; cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; cần huy động sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan trong quá trình xây dựng Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài các chương trình đào tạo cũng như đánh giá giữa kỳ, chu kỳ mới đối với cơ sở giáo dục; cần tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng;

11. Cần có lộ trình ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện các hoạt động, đảm bảo được tính toàn diện, thống nhất, bảo mật an toàn nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong công việc; cần xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong với những giải pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; tính hiệu quả cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cần được đánh giá đầy đủ và sử dụng để hỗ trợ các hoạt động của Nhà trường;

12. Cần bảo đảm Kế hoạch nâng cao chất lượng hàng năm có đầy đủ các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu để thực hiện các hoạt động hiệu quả hơn; cần chú trọng các kế hoạch và giải pháp khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo trong công tác bảo đảm chất lượng của Trường; cần rà soát, điều chỉnh các tiêu chí và quy trình lựa chọn đối tác, thông tin so chuẩn và đối sánh, chú ý tham chiếu các cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo trong và ngoài nước tương thích với Nhà trường; cần sớm xây dựng và thực hiện lộ trình xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Cần nghiên cứu nhu cầu xã hội, đánh giá số lượng và chất lượng sinh viên nhập học, tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan để có những điều chỉnh trong chiến lược, chính sách và phương thức tuyển sinh phù hợp; cần tăng cường quảng bá tuyển sinh gắn với các hoạt động ngày hội việc làm, sáng tạo, khởi nghiệp... để thu hút người học; cần tăng cường hơn nữa công tác truyền thông để hỗ trợ hiệu quả công tác tuyển sinh;

14. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, quy trình và hướng dẫn về việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của Nhà trường; cần rà soát hệ thống thiết kế, giám sát, thẩm định và phê duyệt chuẩn đầu ra và nội dung các chương trình đào tạo; cần đánh giá đầy đủ hiệu quả của chương trình giáo dục khai phóng đang thực hiện để có căn cứ cải tiến, điều chỉnh, mở rộng phạm vi áp dụng; cần chú trọng đối sánh các chương trình đào tạo tương ứng của các cơ sở giáo dục đại học tiên tiến trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

15. Cần có kế hoạch triển khai đồng bộ triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần tạo môi trường điều kiện làm việc hấp dẫn, đồng thời tăng cường chính sách thu hút cán bộ, giảng viên hiệu quả hơn; cần tăng cường đầu tư về chương trình đào tạo, trang thiết bị dạy học hiện đại, chú trọng gắn kết đào tạo với thực tiễn và doanh nghiệp; cần quan tâm đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến; cần có các biện pháp thúc đẩy, hỗ trợ, giám sát và đánh giá việc tự học của người học;

16. Cần đa dạng hóa các phương thức kiểm tra, đánh giá người học, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra; cần tăng cường rà soát các quy định về công

tác thi, kiểm tra đánh giá, và phản hồi thông tin về kết quả học tập đảm bảo tính cập nhật đồng thời hỗ trợ người học điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp hơn; cần xây dựng, phân tích dữ liệu kết quả kiểm tra đánh giá, đồng thời định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan để có cơ sở điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học;

17. Cần rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ; cần rà soát, điều chỉnh các quy định để cải tiến hoạt động hỗ trợ, giám sát người học; cần tăng cường các hoạt động chuyên môn, chú trọng chất lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp và có chính sách hỗ trợ người học khởi nghiệp hiệu quả hơn; cần chú ý thực hiện các quy định về chính sách học bổng và chính sách đầu tư phát triển khoa học công nghệ phù hợp hơn với quy định của Nhà nước và thực tiễn Nhà trường;

18. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về hoạt động khoa học công nghệ của Trường; cần có cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng hoạt động khoa học công nghệ trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học; cần có chính sách thu hút các Giáo sư, Phó Giáo sư và các nhà khoa học có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học về công tác tại Trường làm nòng cốt để tăng cường công bố khoa học, thúc đẩy nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh; cần xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ của Trường;

19. Cần xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến công tác quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ; cần có chiến lược, chính sách gia tăng số lượng và chất lượng sản phẩm trí tuệ trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng của Trường; cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về công tác sở hữu trí tuệ, chú trọng hỗ trợ cán bộ, giảng viên và người học thực hiện đúng Luật Sở hữu trí tuệ và bảo hộ quyền tác giả;

20. Cần tăng cường kết nối với các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước; cần khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động trao đổi học thuật và tìm kiếm đối tác; cần định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác để có các chính sách, giải pháp gia tăng đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp; nên nghiên cứu xây dựng và phát triển mô hình doanh nghiệp có ứng dụng khoa học công nghệ trong Trường, đồng thời có cơ chế chính sách hỗ trợ, đưa các sản phẩm khoa học công nghệ ứng dụng thực tiễn một cách rộng rãi;

21. Cần có chiến lược/kế hoạch tăng cường các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng có tính dịch vụ, gia tăng nguồn thu cho Trường; cần ban hành quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các tiêu chí, chỉ báo cụ thể và đo lường được; nên tăng cường đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học có kết quả hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng tốt;

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

22. Cần tăng cường phân tích và đối sánh số liệu giữa các năm học để cải tiến hoạt động hỗ trợ người học, gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm và đúng hạn, gia tăng tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp, có việc làm sau khi tốt nghiệp; cần chú trọng thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng từng ngành đào tạo của Trường; cần có giải pháp nâng cao chất lượng thông tin thu thập, phản hồi để đánh giá đúng mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp;

23. Cần rà soát tổng thể để điều chỉnh, bổ sung đầy đủ và phù hợp các quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học; cần có cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy công bố quốc tế, gia tăng các đề tài, dự án khoa học công nghệ trong đội ngũ cán bộ, giảng viên cũng như cần có kế hoạch, hướng dẫn cụ thể việc đối sánh số lượng và chất lượng nghiên cứu của người học; cần nghiên cứu xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích người học khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo; cần quan tâm hoạt động thương mại hóa, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu có thế mạnh của Nhà trường;

24. Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; cần gia tăng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gắn kết với quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu Nhà trường; cần xây dựng hệ thống dữ liệu về kết quả và tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, sự hài lòng và lợi ích của các bên liên quan;

25. Cần hoàn thiện bộ chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính về hiệu quả tài chính; cần thực hiện việc (tự) đối sánh các chỉ số tài chính qua các năm để có những điều chỉnh phù hợp; cần xác định rõ và có quy định cụ thể về thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của Nhà trường; cần hoàn thiện các quy trình, phương pháp, công cụ... thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để xây dựng hệ thống dữ liệu về chỉ số tài chính, chỉ số thị trường nhằm tăng cường công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường; cần xây dựng kế hoạch tham gia các bảng xếp hạng trong nước, khu vực cũng như quốc tế.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 09/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
